

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 366/2017/DS-PT

Ngày: 27/12/2017

Vv: Tranh chấp chia tài sản chung sau
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

Với Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Thanh;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Thái Duy Nhiệm.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Xuân Thành, cán bộ Tòa
án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thúy, kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội
mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 38/2017/TLPT-DS
ngày 18 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”
do có kháng cáo của bị đơn đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày
09 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4372/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 12
năm 2017 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1974. Có mặt.

* Bị đơn: Anh Trần Thái H, sinh năm 1973. Có mặt.

* Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nông Thị Nh, sinh
năm 1959; chị La Thị Đ, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Các đương sự cùng có địa chỉ tại: Thôn SM1, xã VH, TP LC, tỉnh Lào Cai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị
Hồng Nh trình bày:* Chị và anh Trần Thái H kết hôn với nhau năm 1996 đến năm
2008 đã được Tòa án giải quyết ly hôn nhưng chưa giải quyết về tài sản. Nay chị
yêu cầu giải quyết về tài sản như sau:

Về tài sản chung, gồm có: 01 xe ô tô biển kiểm soát 24N-4006, trị giá 105
triệu đồng; 01 xe ô tô biển kiểm soát 24N-4085, trị giá 120 triệu đồng; 03 chiếc
máy cưa trị giá 23 triệu đồng (anh H đã bán tài sản và đang quản lý tiền); 01 xe mô
tô BKS 24P1-9489, trị giá 13 triệu đồng, đứng tên anh H, hiện anh H đang quản lý;
01 xe mô tô BKS 24P3-2657, trị giá 06 triệu đồng, đứng tên chị Nh, hiện chị đang
quản lý.

Ngày 16/3/2015, chị Nh và anh H đã tự thỏa thuận chia phần tài sản chung
này, đề nghị Tòa án ghi nhận: Chị sở hữu 01 xe mô tô BKS 24P3-2657; anh H sở
hữu 01 xe mô tô BKS 24P1-9489. Khoản tiền bán tài sản chung anh H đang quản

lý là 255 triệu đồng. Trong số tiền này, anh H được sở hữu 127.500.000 đồng, có nghĩa vụ trả cho chị Nh 127.500.000 đồng.

Về tài sản riêng của chị Nh: Năm 2001, chị có mua của bà Nông Thị Nh 570,4m² đất tại thôn SM1, xã VH, thành phố LC. Đất có chiều dài mặt đường là 14,5m; có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Nông Thị Nh; trên đất có 02 gian nhà xây cấp 4, lợp prôximăng; giá mua bán là 22 triệu đồng. Chị đã trả đủ tiền cho bà Nh và bà Nh đã giao đất cho chị. Tiền mua đất là của chị L (chị gái) cho riêng chị. Sau khi mua đất, chị và anh H cùng nhau sử dụng. Năm 2004, chị và bà Nh lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và được Ủy ban nhân dân xã VH xác nhận. Năm 2008, chị và anh H ly hôn; anh H chiếm hữu, sử dụng đất và nhà của chị. Chị đòi nhiều lần nhưng anh H không trả. Hiện nay, chị xác định trị giá nhà là 14 triệu đồng và giá trị đất là 2,4 tỷ đồng. Chị yêu cầu Tòa án công nhận quyền sở hữu tài sản riêng đối với 720,4 m² và 02 gian nhà xây cấp 4, lợp prôximăng tại thôn SM1, xã VH là tài sản của riêng chị, buộc anh H phải tự tháo dỡ công trình xây dựng trái phép trên đất để trả lại cho chị.

2. Bị đơn - anh Trần Thái H trình bày:

- Anh nhất trí lời trình bày của chị Nh về phần tài sản chung đã tự thỏa thuận, anh đề nghị Tòa án ghi nhận sự tự thỏa thuận chia tài sản chung giữa anh và chị Nh.

- Về đất và 02 gian nhà xây lợp prôximăng, chị Nh trình bày là tài sản riêng của chị là không đúng. Về nguồn gốc đất, năm 2001 anh và chị Nh thống nhất mua đất của bà Nh. Sau khi mua đất, anh chị đã cùng nhau xây tường ngăn cách với đất của bà Nh và cùng nhau xây 02 gian nhà lợp prôximăng để sử dụng. Năm 2008, anh và chị Nh ly hôn, anh tiếp tục sử dụng đất và nhà. Quá trình sử dụng đất, anh đã đổ đất, kê suối, tôn tạo mặt bằng, làm nền bê tông, làm nhà ở, làm xưởng kinh doanh. Hiện nay, anh và vợ sau của anh là chị La Thị Đ đang sử dụng. Anh xác định trị giá ngôi nhà cấp 4, hai gian, lợp prôximăng là 14 triệu đồng như quan điểm của chị Nh và trị giá đất tranh chấp theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản ngày 20/4/2017; đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nông Thị Nh trình bày:

Năm 1998, gia đình bà gồm có bà và 02 người con là Nguyễn Tiến Dũng, sinh năm 1983 và Nguyễn Thành Luân, sinh năm 1985 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vườn tạp diện tích là 2.713 m² tại thôn SM, xã VH. Năm 2001, bà thỏa thuận bán cho chị Nh một phần diện tích đất. Khi bán đất hai bên chỉ đo chiều dài theo mặt đường là 14,5 mét, phía sau giáp bờ suối, trên đất có 01 nhà tạm, giá thỏa thuận là 22 triệu đồng. Việc mua bán có làm giấy viết tay do chị gái chị Nh là chị L viết hộ. Ngày hôm đó, chị Nh đã trả cho bà một phần tiền, còn lại trả sau 15 ngày và bà đã bàn giao đất cho chị Nh. Sau khi bán đất được vài tháng, chị Nh và anh H đến sử dụng, sau đó xây tường ngăn cách giữa đất nhà bà đang sử dụng với diện tích đã bán cho chị Nh. Đến năm 2004, chị Nh và bà có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chị Nh có lấy xác nhận của Ủy ban nhân dân xã

VH. Bà xác định diện tích đất đã bán cho chị Nh; bà không có yêu cầu tranh chấp với chị Nh và anh H.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 09/6/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã căn cứ: Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 212; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Hồng Nh và anh Trần Thái H đối với các tài sản được nêu tại Biên bản lập ngày 16/3/2015, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Hồng Nh sở hữu 01 xe mô tô Biển kiểm soát 24P3- 2657, trị giá 6.000.000đ và 127.500.000đ do anh Trần Thái H trả.

- Anh Trần Thái H sở hữu 01 xe mô tô Biển kiểm soát 24P1-9489, trị giá 13.000.000đ và 127.500.000đ, trong tổng số tiền 255.000.000đ, hiện anh H đang quản lý. Anh H có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh 127.500.000đ

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hồng Nh:

2.1. Chia cho chị Nh được quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau:

- Diện tích đất trồng cây lâu năm (đất vườn tạp) là 196,8 m², tại thửa số 88, số tờ bản đồ Pl-4. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 878035, ngày 15/10/1998 cho hộ bà Nông Thị Nh, tại thôn SM, xã VH, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Trong đó:

+ Phía Đông Bắc giáp đường ĐBL có chiều dài mặt đường là 08 m, tính từ mép tường hiện trạng giáp nhà bà Nông Thị Nh hướng đi về phường PM.

+ Phía Đông Nam giáp đất bà Nông Thị Nh có chiều dài là 23,51m theo tường xây về phía bờ suối (Đã trừ hành lang 4,5m).

+ Phía Tây giáp đất và nhà cấp 4 hiện nay vợ chồng anh Trần Thái H đang sử dụng có chiều dài là 08 m (cách tường nhà anh H, chị Diệp là 15 cm).

+ Phía Tây Bắc giáp diện tích đất được chia cho anh Trần Thái H có chiều dài là 25,73 m.

Giá trị quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm (đất vườn tạp) là: 9.052.800đ.

- 01 nhà xây cấp 4, hai gian, cũ, mái lợp prô xi măng nằm trên đất giá trị là 14.000.000đ.

Tổng giá trị tài sản nhà và đất chị Nh được hưởng là: 23.052.800đ.

2.2. Chia cho anh Trần Thái H được quyền quản lý, sử dụng tài sản sau:

- Diện tích đất trồng cây lâu năm (đất vườn tạp) là 355,8 m², tại thửa số 88, số tờ bản đồ Pl-4. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 878035, ngày 15/10/1998 cho hộ bà Nông Thị Nh, tại thôn SM, xã VH, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Trong đó:

+ Phía Đông Bắc giáp đường ĐBL có chiều dài mặt đường là 6,5 m, tính từ phần đất chia cho chị Nh theo hướng về phường PM.

+ Phía Đông Nam giáp đất được chia cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh có chiều dài 25,73m (đã trừ hành lang 4,5m).

+ Phía Tây Bắc có chiều dài 29,79 m (giáp phần đất trống hiện anh H sử dụng làm nơi rửa xe ô tô).

+ Phía Tây giáp đất anh Trần Thái H đang sử dụng (phía bờ suối) có chiều dài là 25,49 m.

Giá trị quyền sử dụng đất (đất vườn tạp) anh H được hưởng là: 16.366.800đ.

Chị Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thái H tiền chênh lệch tài sản nhà và đất là 3.343.000đ.

Buộc anh Trần Thái H phải tháo dỡ phần nhà xưởng khung sắt lợp tôn, phần bán mái khung gỗ lợp tôn trên diện tích đất của chị Nguyễn Thị Hồng Nh được chia.

Chị Nguyễn Thị. Hồng Nh và anh Trần Thái H phải thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 22/6/2017, bị đơn là anh Trần Thái H có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về việc buộc anh phải tháo dỡ một phần công trình xây dựng trên đất đã chia nhà, đất cho chị Nh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án; không xuất trình thêm chứng cứ, tài liệu nào mới so với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

+ Những người tiến hành và tham gia tố tụng cơ bản chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về yêu cầu kháng cáo của anh H: Tài sản đang tranh chấp là nhà đất tại phiên tòa các đương sự nhất trí là tài sản chung và xác định chia bằng hiện vật là phù hợp; diện tích đất hiện nay vẫn đang là đất vườn theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; việc anh H tạo lập, cải tạo, xây dựng các công trình trên đất là không đúng mục đích sử dụng đất, đã bị Ủy ban nhân dân xã VH nhiều lần xử phạt vi phạm hành chính. Bởi vậy, bản án sơ thẩm buộc anh H tháo dỡ các công trình trên phần đất giao cho chị Nh là phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Chị Nh và anh H kết hôn năm 1996 đến năm 2008 đã ly hôn nhưng chưa giải quyết về phần tài sản. Chị Nh khởi kiện, yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của chị và anh H đã tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân và công nhận quyền sở hữu tài sản riêng của chị. Đơn khởi kiện của chị Nh phù hợp với quy định tại Điều 38, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Tòa án chấp nhận để xem xét, giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đã tự nguyện thỏa thuận phân chia được một phần tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm ô tô, xe máy, có lập biên bản thỏa thuận ngày 16/3/2015. Biên bản này có người làm chứng, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã VH và đã được Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai công nhận. Phần quyết định này của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

[3] Xét kháng cáo của anh Trần Thái H:

Phần tài sản nhà, đất mà chị Nh khởi kiện trong vụ án này đã được Tòa án nhân dân hai cấp của tỉnh Lào Cai nhiều lần (08) giải quyết, xong chưa có hiệu lực do có kháng cáo, kháng nghị. Tại phiên tòa phúc thẩm lần này, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[3.1] Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai đã xác định thừa đất mà chị Nh và bà Nh đã lập hợp đồng chuyển nhượng (có chữ ký của hai bên và có xác nhận của UBND xã VH) 02 gian nhà xây lợp prô xi măng mà sau khi ly hôn anh H vẫn đang sử dụng đến nay là tài sản chung của vợ chồng là có căn cứ. Bởi lẽ: Theo chị Nh, tiền mua đất là tiền của chị gái là chị Nguyễn Phương Lan cho riêng chị, nhưng ngoài lời khai đó thì chị Nh không còn chứng cứ nào khác để chứng minh; lời khai của chị L, bà Nh và chị Nh có sự mâu thuẫn về số lượng, nguồn gốc tiền. Mặt khác, thực tế, tài sản là quyền sử dụng đất và ngôi nhà cấp 4 được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nh và anh H và hai anh chị cùng sử dụng đến khi ly hôn năm 2008. Sau khi bản án sơ thẩm xét xử ngày 09/6/2017 xác định quyền sử dụng đất, nhà là tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân chị Nh cũng không kháng cáo, đồng nghĩa với việc chị đã thừa nhận nhận định và quyết định của bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay cả hai anh chị đều nhất trí xác định đó là tài sản chung vợ chồng tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, đồng ý chia bằng hiện vật. Bởi vậy, việc chia khối tài sản này của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3.2] Do sau khi ly hôn, chị Nh không có nơi ở nào khác, hiện tại đang đi ở nhờ tại nhà bố mẹ đẻ và còn phải gánh vác nghĩa vụ nuôi con chung chưa thành niên nên nhu cầu về chỗ ở ổn định, lâu dài là cần thiết. Thực tế, theo kết quả thẩm định, định giá tài sản thì thừa đất đang tranh chấp có diện tích 552,6 m²; có chiều rộng tám mặt đường 14,5m. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định và quyết định chia chia khối tài sản này bằng hiện vật cho cả hai anh chị là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Việc chia cho chị Nh phần diện tích đất ít hơn xong có căn nhà cấp 4 hai gian để mẹ con chị Nh ở, thuận tiện trong sinh hoạt là phù hợp với thực tế vụ án và hoàn cảnh của mỗi đương sự; đồng thời buộc chị Nh có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thái H tiền chênh lệch tài sản nhà, đất là 3.343.000đ là bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của mỗi bên và phù hợp với quy định của pháp luật trong việc xác định và chia tài sản chung vợ chồng sau ly hôn theo quy định tại Điều 33, 59 và 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Căn cứ các Quyết định số 98/QĐ-UBND ngày 01/8/2012 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai; Quyết định số 79/QĐ-

UBND ngày 21/7/2014 về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực trật tự đô thị và Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 11/5/2016 về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trong lĩnh vực đất đai, xây dựng của UBND xã VH, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ xác định việc anh H tôn tạo, san gạt, xây bờ kè đất, xây dựng các công trình trên đất diễn ra nhiều năm, trái phép nên đã nhiều lần bị UBND xã VH yêu cầu đình chỉ việc thi công xây dựng và buộc tự tháo dỡ công trình vi phạm trả lại hiện trạng đất như trước khi phát sinh xây dựng. Do đó, Quyết định của bản án sơ thẩm về việc: Buộc anh Trần Thái H phải tháo dỡ phần nhà xưởng khung sắt lợp tôn, bán mái khung gỗ lợp tôn trên diện tích đất của chị Nguyễn Thị Hồng Nh được chia là có căn cứ và phù hợp pháp luật. Kháng cáo của anh H về việc quá trình anh H xây kè đá, tôn tạo mặt bằng, xây dựng nhà xưởng rất tốn kém và không bị chính quyền địa phương can thiệp; cho rằng kết quả xác minh của Tòa án cấp sơ thẩm là không có căn cứ... không được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Thái H.

2. Giữ nguyên quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2017/DS-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai như sau:

Căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 212; Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Hồng Nh:

2.1. Chia cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh được quyền sở hữu, sử dụng tài sản sau:

- 01 nhà xây cấp 4, hai gian, cũ, mái lợp xô xi măng nằm trên đất giá trị là 14.000.000đ.

- Diện tích đất trồng cây lâu năm (đất vườn tạp) là 196,8 m², tại thửa số 88, số tờ bản đồ Pl-4. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 878035, ngày 15/10/1998 cho hộ bà Nông Thị Nh, tại thôn SM, xã VH, thành phố LC, tỉnh Lào Cai. Trong đó:

+ Phía Đông Bắc giáp đường ĐBL có chiều dài mặt đường là 08 m, tính từ mép tường hiện trạng giáp nhà bà Nông Thị Nh hướng đi về phường PM.

+ Phía Đông Nam giáp đất bà Nông Thị Nh có chiều dài là 23,51m theo tường xây về phía bờ suối (Đã trừ hành lang 4,5m).

+ Phía Tây giáp đất và nhà cấp 4 hiện nay vợ chồng anh Trần Thái H đang sử dụng có chiều dài là 08 m (cách tường nhà anh H, chị Diệp là 15 cm).

+ Phía Tây Bắc giáp diện tích đất được chia cho anh Trần Thái H có chiều dài là 25,73 m.

Giá trị quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm (đất vườn tạp) là: 9.052.800đ.

Tổng giá trị tài sản nhà và đất chị Nh được hưởng là: 23.052.800đ.

2.2. Chia cho anh Trần Thái H được quyền quản lý, sử dụng tài sản sau:

- Diện tích đất trồng cây lâu năm (đất vườn tạp) là 355,8 m², tại thửa số 88, số tờ bản đồ Pl-4. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 878035, ngày 15/10/1998 cho hộ bà Nông Thị Nh, tại thôn SM, xã VH, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai. Trong đó:

+ Phía Đông Bắc giáp đường ĐBL có chiều dài mặt đường là 6,5 m, tính từ phần đất chia cho chị Nh theo hướng về phường PM.

+ Phía Đông Nam giáp đất được chia cho chị Nguyễn Thị Hồng Nh có chiều dài 25,73m (đã trừ hành lang 4,5m).

+ Phía Tây Bắc có chiều dài 29,79 m (giáp phần đất trống hiện anh H sử dụng làm nơi rửa xe ô tô).

+ Phía Tây giáp đất anh Trần Thái H đang sử dụng (phía bờ suối) có chiều dài là 25,49 m.

Giá trị quyền sử dụng đất (đất vườn tạp) anh H được hưởng là: 16.366.800đ.

Chị Nguyễn Thị Hồng Nh có nghĩa vụ trả cho anh Trần Thái H tiền chênh lệch tài sản nhà và đất là 3.343.000đ.

Buộc anh Trần Thái H phải tháo dỡ phần nhà xưởng khung sắt lợp tôn, bán mái khung gỗ lợp tôn trên diện tích đất của chị Nguyễn Thị Hồng Nh được chia.

Chị Nguyễn Thị. Hồng Nh và anh Trần Thái H phải thực hiện nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Thái H phải chịu 300.000đ. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Biên lai thu số 0000133 ngày 28/8/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Anh H đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hải Thanh